TÒA ÁN NHÂN DÂN
THNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05/7/2019
Về tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú
Bà Nguyễn Thị Thinh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 1 năm 2019 về tranh chấp: Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST- HNGĐ ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Vũ Thị H; sinh năm: 1976; HKTT: Thôn C, xã N, thành phố Ninh Bình. Hiện đang ở địa chỉ: Thôn Phúc Sơn 1, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn**: Anh Phạm Quang T; sinh năm: 1970; Trú tại: Thôn C, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, vắng mặt anh T mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai và tại phiên tòa chị Vũ Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Quang T được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Thành ngày 29/12/2000. Quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau. Chính quyền địa phương đã nhiều lần đến can thiệp. Từ năm 2005 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Ngày 08/6/2018 chị đã có đơn xin ly hôn, anh T đã ký thuận tình ly hôn sau đó anh T xin đoàn tụ, chị đã rút đơn về. Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng từ đó đến nay quan

hệ vợ chồng vẫn không cải thiện. Anh T thường xuyên chửi vợ con. Chị đã cùng các con ra ngoài thuê nhà ở. Đến nay, tình cảm của chị đối với anh T không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Phạm Vũ Hồng N sinh ngày 07/12/2001 và cháu Phạm Vũ Hồng M, sinh ngày 19/8/2007. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành. Hiện nay anh T là phó trưởng khoa phục hồi chức năng bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình, thu nhập từ lương là khoảng 9 triệu đồng, còn các khoản thu nhập khác thì chị không nắm được.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh T tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Anh Phạm Quang T không có lời khai, không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mặc dù Tòa án triệu tập đến làm việc, tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn là chị Vũ Thị H nghiêm chỉnh chấp hành còn anh T không chấp hành. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm QuangT

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 /UBTVQH ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Phạm Quang T. Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Phạm Vũ Hồng N sinh ngày 07/12/2001 và cháu Phạm Vũ Hồng M sinh ngày 19/8/2007đến khi trưởng thành. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng, mỗi cháu là 2.000.000đồng. Chị H phải nộp án phí dân sự về ly hôn là 300.000đồng. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng về nuôi con 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Quang T kết hôn được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phúc thành, thành phố Ninh Bình ngày 29/12/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T thường xuyên sảy ra mâu thuẫn đánh nhau do bất đồng quan điểm sống. Ngày 08/6/2018 chị H đã có đơn xin ly hôn tại Tòa án, chị H và anh T đã

thống nhất thỏa thuận tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/7/2019 nhưng sau đó chị H đã rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 53/QĐST- HNGĐ ngày 13/9/2018. Tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn không cải thiện được tình cảm, mâu thuẫn tiếp tục sảy ra, Chính quyền địa phương đã phải đến can thiệp (biên bản xác minh ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Tiến). Đến nay chị H kiên quyết xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Phạm Vũ Hồng N sinh ngày 07/12/2001 và cháu Phạm Vũ Hồng M, sinh ngày 19/8/2007. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H, nguyện vọng của các cháu là muốn ở với mẹ. Về điều kiện thu nhập của anh T, hiện nay anh T là bác sỹ hiện là phó Khoa Bệnh viện phục hồi chức năng Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình hệ số lương 4,74. Quá trình giải quyết vụ án tuy anh T không có lời khai nhưng tại Hồ sơ thụ lý 189/2018/TLST- HNGĐ ngày 08/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, anh T cũng đã có quan điểm đồng ý để chị H trực tiếp nuôi hai con, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu là 2.000.000đồng/tháng. Tòa án đã công khai tài liệu chứng cứ, anh T không có ý kiến gì. Nay chị H có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng như đã nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H là phù hợp nên cần chấp nhận giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu N và cháu M, buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu M, mỗi cháu là 2.000.000đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi các cháu trưởng thành. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

[3]Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị H. Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Quang T. Quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Vũ Hồng N sinh ngày 07/12/2001 và cháu Phạm Vũ Hồng M, sinh ngày 19/8/2007. Anh Phạm Quang T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng mỗi cháu là 2.000.000đồng(*hai triệu đồng*) kể từ tháng 7/2019 đến khi các cháu trưởng thành. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001055 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Anh T phải nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Tr- ờng hợp Bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND TP Ninh Bình
- Chi cục thi Hnh án Ds TP Ninh Bình
- UBND phường.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy